

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ dưới sự dẫn dắt đến từ nhóm cổ phiếu Dầu khí với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

NTC, GMD

[Cập nhật công ty]

CTD

[Quan điểm đầu tư]

Với xu hướng giảm điểm chủ đạo trong trung hạn, đi ngang trong ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

25/05/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,064.63	+0.27
VN30	1,062.15	+0.06
HĐTL VN30F1M	1,057.00	+0.09
HNXIndex	216.78	+0.38
HNX30	404.14	+1.15
UPCoM	80.71	-0.27
USD/VND	23,477	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.08	+5
Lãi suất qua đêm (%)	4.07	-0
Dầu (WTI, \$)	73.95	-0.52
Vàng (LME, \$)	1,961.59	+0.23



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,064.63 (+0.27%)
KLGD (triệu CP) 614.1 (-8.3%)
GTGD (triệu US\$) 498.5 (-15.0%)

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ dưới sự dẫn dắt đến từ nhóm cổ phiếu Dầu khí với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại HPG (-0.5%), VND (-1.6%), HSG (-0.6%).

HNXIndex 216.78 (+0.38%)
KLGD (triệu CP) 81.5 (-13.0%)
GTGD (triệu US\$) 64.4 (+2.0%)

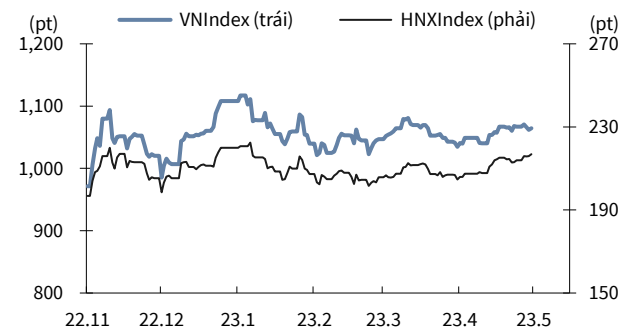
Giá dầu tăng sau khi dự trữ dầu thô tại Mỹ bất ngờ giảm và cảnh báo từ Bộ trưởng Năng lượng Ả-rập Xê-út làm tăng rủi ro tiếp tục cắt giảm sản lượng của OPEC+. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Tư, hợp đồng dầu Brent tăng 1.40 USD (tương đương 1.8%) lên mức 78.24 USD/thùng. Giá cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PVS (+3.05%), PVB (+9.88%).

UPCoM 80.71 (-0.27%)
KLGD (triệu CP) 39.1 (-7.5%)
GTGD (triệu US\$) 18.3 (+8.1%)

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu kỳ 1 tháng 5/2023 của mặt hàng sắt thép các loại đã giảm 247 triệu USD, tương ứng giảm 44.1% so với kỳ 2 tháng 4/2023. Giá cổ phiếu nhóm Thép giảm giá ở HSG (-0.64%), TVN (-1.75%).

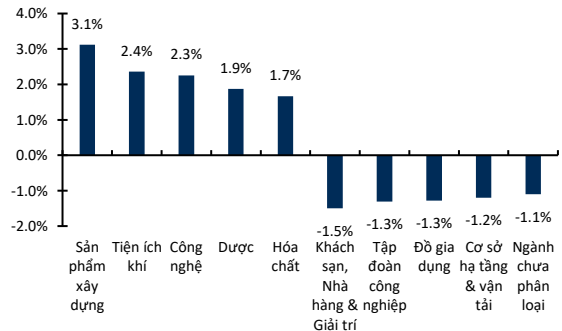
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -16.8

VNIndex & HNXIndex



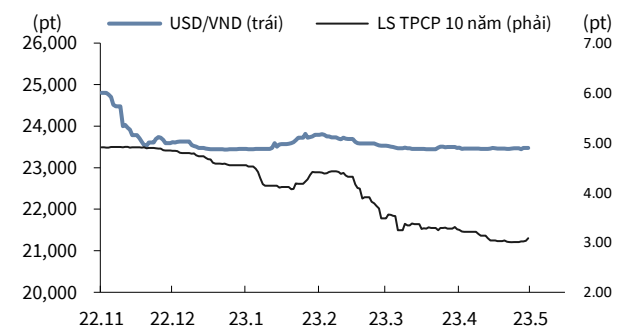
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



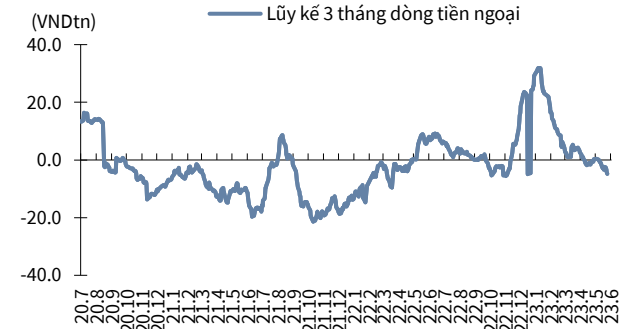
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

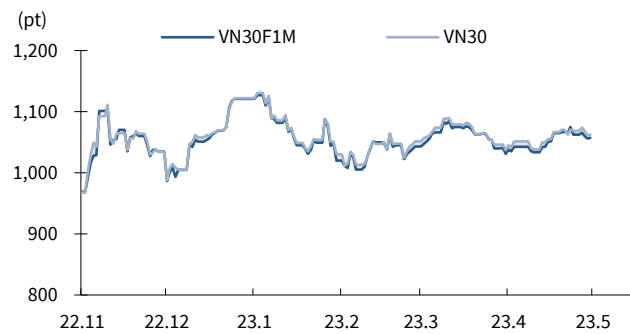
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,062.15 (+0.06%)
VN30F1M	1,057.0 (+0.09%)
Mở cửa	1,054.0
Cao nhất	1,059.4
Thấp nhất	1,052.6

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở. Chênh lệch F2306 và chỉ số VN30 mở cửa phiên tại -7.45 điểm, sau đó biến động trong biên độ âm quanh mức -5.18 điểm và đóng cửa tại -5.15 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

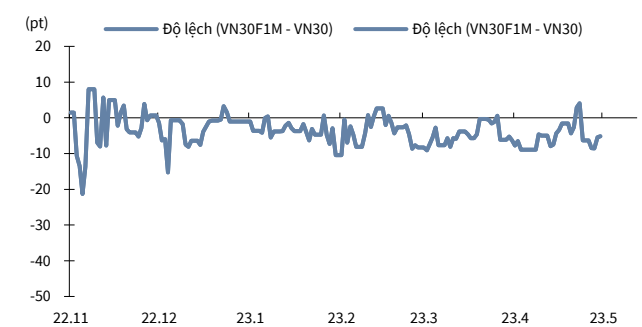
KLGD (HĐ)	165,472 (-10.4%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



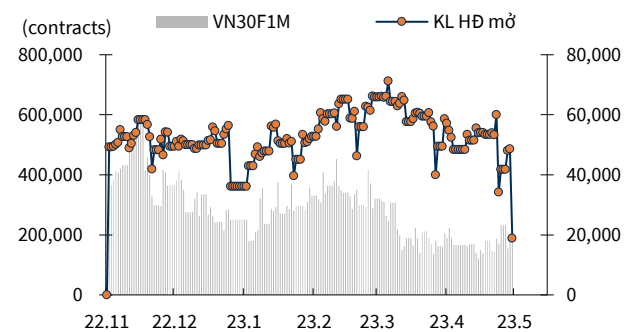
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



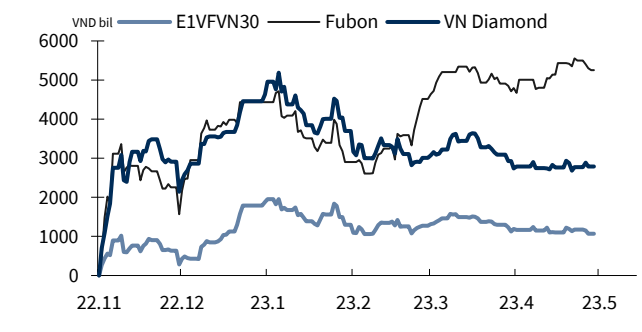
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

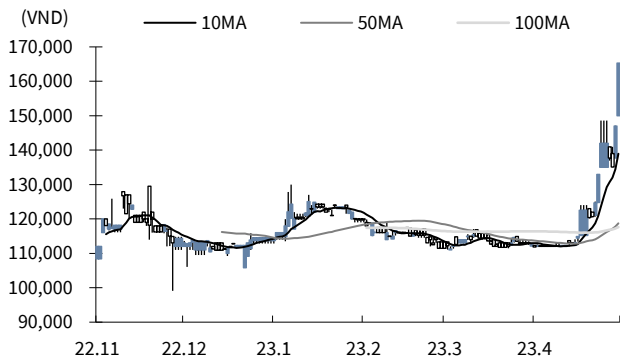
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (NTC)

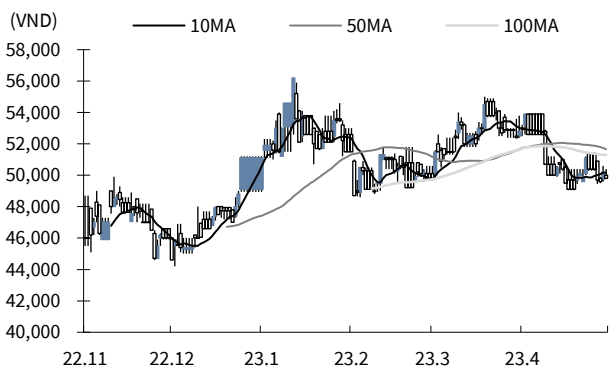


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NTC tăng 15% lên 165,300 VND/cp

- Ngày 24/05 vừa qua, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương vừa ban hành quyết định về việc cho phép CTCP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn 2) tại thành phố Tân Uyên với tổng diện tích 3,443,372.1 m². Thời gian cho thuê đến ngày 13/09/2068.

Công ty cổ phần Gemadept (GMD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GMD giảm 0.8% xuống 49,800VND/cp

- Công ty cổ phần Gemadept tổ chức lễ khai trương giai đoạn II của Cụm cảng Nam Đình Vũ tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, TP.Hải Phòng - đầu mối vận tải hàng hóa thương mại quốc tế và nội địa quan trọng bậc nhất của toàn miền Bắc.

COMPANY REPORT

KB Securities
VIETNAM

CTCP Xây dựng Coteccons (CTD)

Nội tại cải thiện trong bối cảnh khó khăn chung

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
nguyennnd1@kbsec.com.vn

24/05/2023

Doanh thu 1Q2023 đạt 3,130 tỉ (+64% YoY) với biên SG&A giảm về còn 2.3% giúp LNST đạt 22 tỉ

Backlog hết 1Q2023 ước tính đạt 14,000 tỉ (chưa bao gồm giai đoạn 1 của dự án Lego)

Lượng tiền mặt lớn giúp CTD nâng cao khả năng cạnh tranh và đàm phán trong bối cảnh ngành Xây dựng gặp khó khăn

Khuyến nghị **NĂM GIỮ** với cổ phiếu CTD, giá mục tiêu 73,000 VND/cổ phiếu

CTD ghi nhận hơn 3,000 tỉ VND doanh thu trong 1Q2023 tới từ việc triển khai đúng tiến độ các dự án chuyển sang từ 2022, cùng với đó là việc tối ưu chi phí hoạt động và cắt giảm khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự án Lego đã được đi vào triển khai từ cuối T4/2023 khi được UBND tỉnh Bình Dương cấp phép xây dựng, chúng tôi cho rằng doanh thu từ dự án Lego sẽ được tính vào backlog của CTD từ 2Q2023 và ước tính sẽ được hạch toán hết trong 2024 khi nhà máy được bàn giao. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu ký mới của CTD trong 2023 đạt 17,500 tỉ (đã bao gồm dự án Lego và các dự án khác trong năm). LNST năm 2023 cũng được cải thiện nhờ việc giảm trích lập dự phòng trong năm.

Lượng tiền mặt của CTD được cải thiện mạnh mẽ trong 4Q2022 và 1Q2023 nhờ vào năng lực đàm phán với các nhà thầu phụ, thu xếp các khoản phải trả, giúp nâng cao tính cạnh tranh khi tham gia đấu thầu các dự án. Đồng thời, điều này cũng giúp dòng tiền HĐKD được cải thiện và gia tăng khả năng tạo ra thu nhập tài chính từ các khoản tiền gửi trong tương lai. Trong kịch bản Cơ sở, chúng tôi ước tính trong doanh thu tài chính trong 2023 có thể đạt 330 – 370 tỉ.

Chúng tôi cho rằng tiềm năng của CTD trong 2023 đã được phản ánh khá nhiều vào giá cổ phiếu, do đó chúng tôi cập nhật khuyến nghị với CTD với dự phóng KQKD của 2024 và xác định giá trị hợp lý của CTD đạt 73,000 VND/cổ phiếu, tương đương với mức upside là 13% so với mức giá đóng cửa của ngày 24/05/2023.

NĂM GIỮ thay đổi

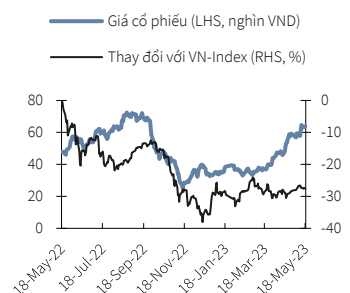
Giá mục tiêu	VND 73,000
Tăng/giảm	13%
Giá hiện tại (24/05/2023)	VND 64,800
Giá mục tiêu thị trường	VND 48,000
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	4.7/0.2

Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ cổ phiếu free-float (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	1,586/67
Sở hữu nước ngoài (%)	48.47%
Kustoshem Private Limited	17.55%
Success Investment	14.12%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	33%	83%	124%	38%
Tương đối	32%	83%	114%	52%

Dự phóng KQKD & định giá

	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỉ VND)	9,078	14,537	18,975	20,089
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỉ VND)	-7	-54	487	576
Lợi nhuận sau thuế (tỉ VND)	24	21	379	449
EPS (VND)	303	263	4,803	5,701
Tăng trưởng EPS (%)	-93%	-13%	1728%	19%
P/E (x)	361.5	125.2	13.5	11.3
P/B (x)	1.1	0.3	0.6	0.6
ROE (%)	0%	0%	5%	5%
Tỉ lệ cổ tức tiền mặt	0%	0%	0%	10%

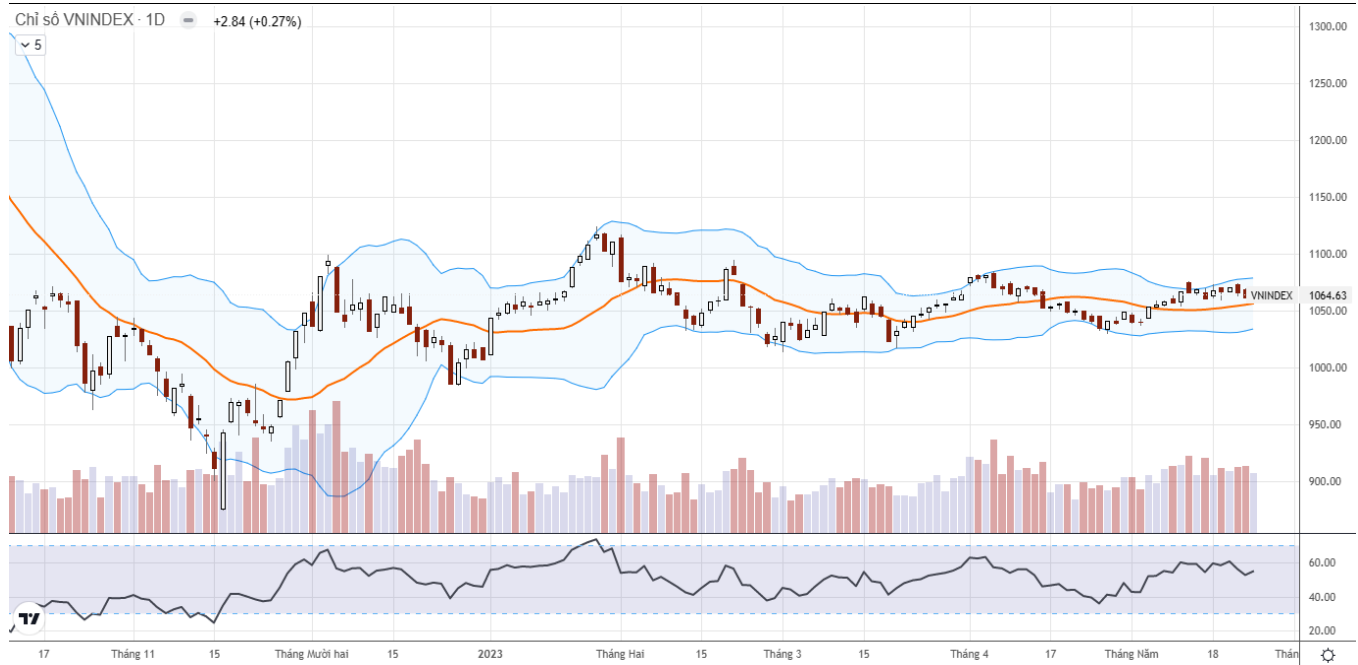


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

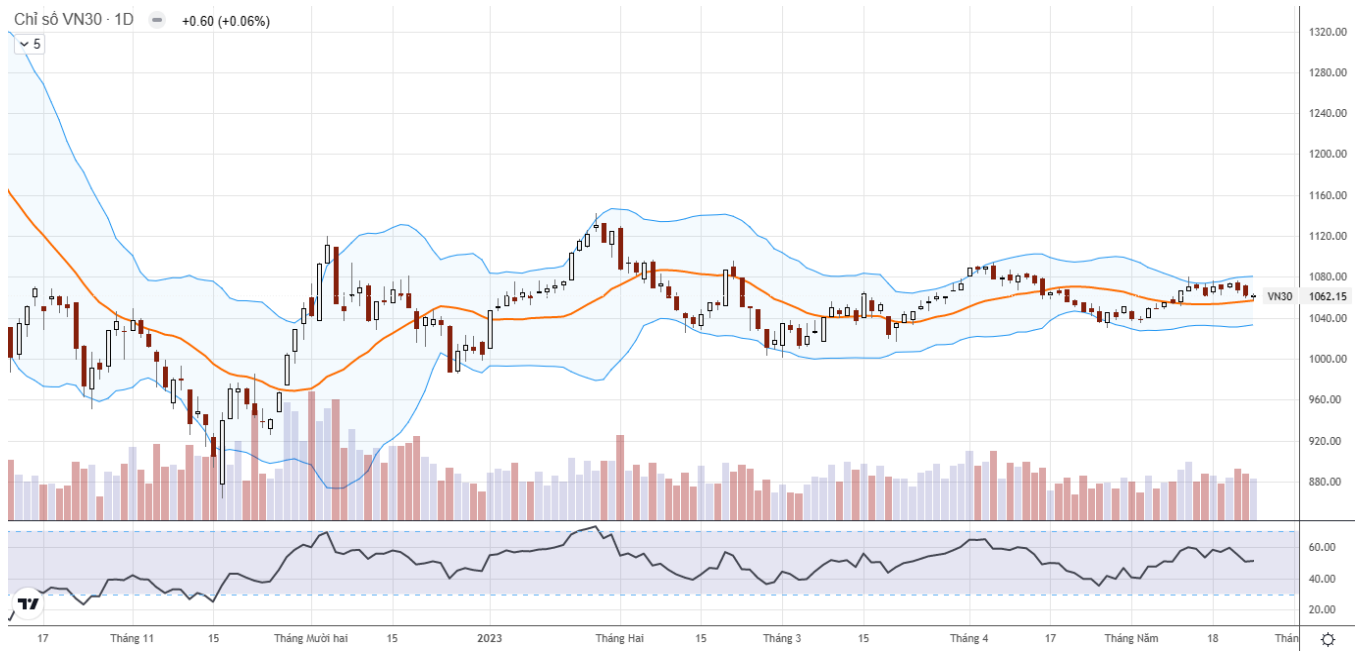
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX giảm điểm giảm co trong phiên trước khi dần hồi phục và tăng điểm nhẹ về cuối phiên.
- Ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1055 đã cho phản ứng sớm và giúp cho chỉ số hồi phục trở lại sau hai phiên giảm điểm liên tiếp. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, VNINDEX cần sớm vượt qua ngưỡng cản đáng lưu ý quanh 1070 (+-3) nhằm tránh rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh trở lại.
- Với xu hướng giảm điểm chủ đạo trong trung hạn, đi ngang trong ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1069 - 1074

Kháng cự gần: 1061 - 1065

Hỗ trợ gần: 1051 - 1054

Hỗ trợ xa: 1042 - 1046

- F1 giảm điểm giằng co trong phiên trước khi dần hồi phục và tăng điểm nhẹ về cuối phiên.
- Ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1050 đã cho phản ứng sớm và giúp cho chỉ số hồi phục trở lại sau hai phiên giảm điểm liên tiếp. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, F1 cần sớm vượt qua ngưỡng cản đáng lưu ý quanh 1070 (+5) nhằm tránh rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời vị thế SHORT tại hỗ trợ gần, trái lệnh mở một phần vị thế LONG tại hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

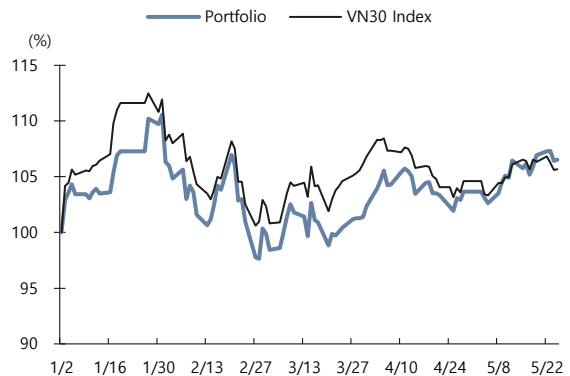
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.06%	0.09%
Tăng lũy kế (YTD)	5.67%	6.52%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/05/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	38,000	0.1%	-1.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	22,500	-0.9%	7.4%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỷ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	71,200	-0.4%	23.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	23,400	-0.4%	-4.5%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	18,850	-1.8%	10.2%	- Giá lợn hơi và thị gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,200	2.3%	243.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,600	-0.5%	46.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,700	2.4%	29.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,200	-0.5%	90.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	26,700	0.6%	159.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	0.0%	12.9%	22.4
MSN	0.3%	30.2%	11.7
BID	0.6%	17.2%	11.2
VRE	0.2%	33.4%	9.4
VCB	0.7%	23.5%	7.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.5%	24.5%	-52.1
VND	-1.6%	23.0%	-45.8
HSG	-0.6%	17.0%	-36.7
FUEVFNVD	-0.4%	96.6%	-33.2
VPB	-1.0%	17.5%	-33.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	3.1%	20.6%	9.4
DTD	0.0%	4.3%	1.9
IDC	4.6%	1.1%	1.7
CEO	-1.9%	4.5%	0.4
HVT	0.9%	2.5%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDJ	0.0%	1.1%	-1.2
BVS	-1.3%	7.2%	-0.9
MBS	-1.1%	0.4%	-0.6
HUT	2.9%	2.0%	-0.5
TNG	-1.0%	15.9%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	7.1%	PGV, NT2, PPC, TTA
Tập đoàn công nghiệp	5.1%	REE, BCG, PET, EVG
Cung cấp và dịch vụ thương mại	4.9%	TLG, ILB, APC, ST8
Xây dựng và kỹ thuật	4.6%	DIG, HDG, VCG, PC1
Đồ gia dụng	3.0%	TTF, GDT, EVE, SAV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-3.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Vận tải hàng không & Logistics	-3.5%	TMS, SCS, STG, ASG
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-3.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Sản phẩm xây dựng	-3.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Kim loại & khai thác	-2.8%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	21.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Máy móc	12.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Xây dựng và kỹ thuật	10.7%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	9.1%	VGC, BMP, SHI, DAG
Đồ gia dụng	9.0%	TTF, GDT, EVE, SAV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-7.5%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-6.1%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-4.2%	TNH, JVC, VMD
Bảo hiểm	-4.0%	BVH, MIG, BIC, BMI
Thực phẩm	-2.8%	VNM, MSN, KDC, VHC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	104,348 (4.4)	22.5	70.9	64.9	14.7	2.5	2.7	1.8	1.8	0.0	-1.1	0.2	-2.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	82,581 (3.5)	26.6	7.9	7.5	35.9	19.2	17.5	1.4	1.2	0.9	0.0	9.6	14.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	80,593 (3.4)	17.8	15.6	14.0	-7.6	10.8	12.0	1.7	1.6	0.2	-1.4	0.0	5.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	230,526 (9.8)	31.3	5.6	4.0	6.7	6.5	-3.4	0.7	0.7	-0.4	-0.8	-4.0	-5.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	48,389 (2.1)	11.6	21.9	16.9	13.7	8.5	11.2	1.7	1.6	0.5	0.3	3.7	10.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	248,093 (10.6)	13.9	30.0	36.4	-	3.3	2.6	1.0	1.0	-1.8	0.7	10.8	9.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	59,250 (2.5)	6.3	13.5	11.7	11.7	22.4	20.9	2.6	2.2	0.6	-1.9	5.5	16.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	24,739 (1.1)	12.7	11.3	9.3	-5.3	19.7	21.0	1.9	1.5	0.6	-2.0	0.5	13.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	101,446 (4.3)	0.0	5.3	4.4	14.3	16.2	16.5	0.8	0.7	0.0	0.8	2.8	15.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	100,674 (4.3)	1.4	7.5	6.4	50.3	16.5	17.7	1.1	1.0	-0.5	-0.5	-3.2	1.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	154,345 (6.6)	0.0	8.7	6.7	18.8	12.2	12.6	1.1	0.9	-1.0	-0.3	-0.5	7.3
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	118,596 (5.1)	0.0	4.6	3.9	14.6	24.0	22.5	0.9	0.7	-0.8	-0.8	1.1	7.9
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	29,935 (1.3)	4.2	4.7	4.3	23.3	24.5	20.1	1.0	0.9	0.0	0.5	6.3	22.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	419,404 (17.9)	14.0	6.8	4.3	26.5	19.9	25.3	1.1	0.9	-1.5	-0.7	7.8	20.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	72,245 (3.1)	0.0	6.1	5.3	37.4	20.6	20.5	1.0	0.9	-0.4	0.0	2.9	11.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	43,597 (1.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.8	1.8	2.9	-16.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	20,775 (0.9)	21.0	13.9	13.0	15.8	10.7	11.0	1.5	1.4	-0.8	-1.6	-3.3	-5.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,280 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-0.4	-1.9	4.4	9.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	422,102 (18.0)	55.4	21.5	17.7	-3.2	7.3	8.9	1.5	-	-0.9	-1.3	6.6	27.1
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	165,252 (7.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.0	0.3	13.3	46.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	124,219 (5.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.1	1.4	5.7	30.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	344,859 (14.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-1.6	2.3	8.6	17.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	102,251 (4.4)	42.1	16.0	14.4	4.0	29.5	31.8	4.5	4.2	1.2	-3.0	-4.0	-11.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,527 (0.8)	36.9	19.2	17.5	7.3	21.3	21.3	3.8	3.4	-0.3	-2.6	-7.6	-5.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	60,336 (2.6)	16.5	32.8	16.4	-51.9	9.7	16.0	3.6	2.9	0.3	-1.6	1.0	-22.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	23,818 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.3	-3.4	12.8	-11.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	53,019 (2.3)	11.0	84.7	46.0	-88.5	5.9	11.2	-	-	-0.4	-1.4	2.2	-10.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	38,487 (1.6)	10.8	12.0	15.8	-57.0	22.4	12.0	1.8	1.7	-0.8	-2.5	-5.7	9.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	100,500 (4.3)	38.4	13.4	10.9	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	0.6	13.6	18.0	29.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	167,836 (7.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.4	2.9	13.9	15.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	40,020 (1.7)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	-1.2	0.0	10.3	94.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	28,838 (1.2)	0.0	10.0	9.1	-4.5	14.7	14.9	1.3	1.2	-1.0	5.2	7.9	-1.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	32,967 (1.4)	46.1	15.6	15.8	-17.5	18.9	17.8	2.8	2.7	2.4	1.8	2.9	-6.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	23,783 (1.0)	31.4	13.5	13.1	-10.5	15.5	16.0	2.1	2.1	0.3	6.5	8.9	14.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,936 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.0	2.0	2.7	21.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	391,593 (16.7)	18.0	13.8	10.0	21.9	9.3	12.1	1.2	1.1	-0.5	-3.4	0.7	17.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	57,188 (2.4)	36.5	5.7	8.6	-0.5	16.6	11.6	0.8	0.9	-0.3	-4.9	-5.7	-27.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	49,258 (2.1)	46.5	11.0	8.2	-4.5	12.5	14.4	1.1	1.1	-0.6	-2.1	0.2	-11.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	193,844 (8.3)	38.9	32.1	10.3	67.9	-0.7	7.4	0.8	0.7	-0.6	0.3	3.7	34.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	66,533 (2.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.9	-2.2	15.4	60.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	23,205 (1.0)	4.6	16.5	1.4	-51.0	11.2	37.8	1.9	0.6	0.1	-0.3	2.6	17.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	119,826 (5.1)	39.9	19.2	11.7	-11.9	3.9	7.3	0.9	0.9	2.4	6.9	16.8	34.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	52,829 (2.3)	35.9	8.0	6.9	2.2	13.8	14.3	1.0	0.9	1.7	3.7	4.0	-4.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	68,307 (2.9)	0.0	17.5	10.7	14.4	12.8	18.9	2.1	1.9	0.1	-0.3	0.8	-11.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	25,352 (1.1)	0.0	13.1	10.7	2.4	21.3	22.5	2.4	2.1	-0.4	-3.1	-5.7	-20.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,060 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.2	0.9	17.5	29.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	30,604 (1.3)	30.3	34.1	16.4	-75.2	12.9	18.2	3.3	2.8	0.0	0.5	-0.3	-9.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,517 (1.0)	34.6	10.6	10.5	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	5.4	10.5	14.5	16.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,228 (0.3)	45.4	12.0	11.1	10.7	25.6	24.6	3.0	2.6	2.9	2.8	10.8	34.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	59,568 (2.5)	0.0	15.3	12.6	15.5	26.9	27.4	3.8	3.3	2.3	0.4	6.1	8.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOI PHAN TICH CONG TY CHUNG KHOAN KB VIET NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhdh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

